TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS - ST
Ngày: 13/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng;

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông Trần Trung Dũng;

2- Bà Vũ Thị Liên.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đỗ Văn Quyền - Thẩm tra viên Toà án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 04/2021/TLST-DSST ngày 11/3/2021.

Về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2021/QĐST-DS ngày 06/7/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Trần Hồng Đ - Sinh năm 1980.

Cư trú tại: Thôn T - xã N - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

*** Đồng bị đơn:**

- Chị: Ngô Thị N - Sinh năm 1982;
- Anh: Đặng Văn T - Sinh năm 1980.

Đều cư trú tại: Thôn L - thị trấn L - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nguyên đơn anh Trần Hồng Đ trình bày***: Do có quan hệ bạn bè quen biết với nhau nên vào ngày 23/12/2020. Vợ chồng anh Đặng Văn T, sinh năm 1980 và chị Ngô Thị N, sinh năm 1982 đều trú tại: Thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên đến đặt vấn đề với anh vay số tiền là 100.000.000 đồng để vợ chồng anh T, chị N trả nợ cho Ngân hàng Quân đội. Do là chỗ thân quen với nhau nên anh có đồng ý cho vợ chồng anh T, chị N vay số tiền trên. Khi vay hai bên có lập văn bản vay nợ với thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 23/12/2020 đến ngày 23/02/2021. Khi vay các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng theo lãi xuất của Ngân hàng, nhưng không ghi vào giấy vay nợ. Vợ chồng anh T, chị N đã trực tiếp nhận của anh số tiền là 100.000.000 đồng và cùng ký vào giấy vay nợ. Tuy nhiên đến ngày thanh toán nợ cả gốc và lãi theo nội dung giấy vay nợ mà vợ chồng anh T, chị N đã hứa nhưng vợ chồng anh T, chị N không thanh toán được cho anh được bất kỳ khoản nợ gốc hay khoản nợ lãi nào, mặc dù anh đã nhiều lần điện thoại và trực tiếp đến gia đình anh T, chị N yêu cầu thanh toán nhưng vẫn cố ý chây ỳ. Anh xác định tính đến ngày 02/3/2021

vợ chồng anh T, chị N còn nợ của anh tổng số tiền gốc là 100.000.000 đồng, số tiền lãi khoảng 3.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/3/2021 theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định qua từng thời kỳ. Quan điểm của anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động buộc vợ chồng anh T và chị N phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh tổng số tiền gốc là 100.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 02/3/2021 khoảng là 3.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/3/2021 theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước qua từng thời kỳ đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh theo quy định của pháp luật.

***Theo đồng bị đơn chị Ngô Thị N trình bày:** Do có quan hệ bạn bè quen biết nên vợ chồng chị có đến đặt vấn đề với anh Trần Hồng Đ, sinh năm 1980 trú tại: Thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên vay số tiền là 100.000.000 đồng để vợ chồng chị trả nợ cho Ngân hàng Quân đội. Do là chỗ thân quen với nhau nên anh Đ có đồng ý cho vợ chồng chị vay số tiền trên. Khi vay hai bên có lập văn bản vay nợ với thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 23/12/2020 đến ngày 23/02/2021, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng. Vợ chồng chị đã trực tiếp nhận của anh Đ số tiền là 100.000.000 đồng và cùng ký vào giấy vay nợ. Tuy nhiên đến ngày thanh toán nợ cả gốc và lãi theo nội dung giấy vay nơ mà vợ chồng chị đã hứa nhưng do điều kiện làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng chị không thanh toán được cho anh Đ được bất kỳ khoản nợ gốc hay khoản nợ lãi nào. Chị xác định tính đến ngày 02/3/2021 vợ chồng chị còn nợ của anh Đ tổng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi khoảng là 3.000.000 đồng như anh Đ đưa ra là đúng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/3/2021 theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định qua từng thời kỳ. Quan điểm của chị nhất trí xác định về số nợ vay gốc và việc thanh toán lãi như anh Đ đã trình bày tại Tòa án là đúng. Tuy nhiên do việc làm ăn của vợ chồng chị gặp nhiều khó khăn, việc thanh toán nợ cho anh Đ không được thực hiện đúng như đã thỏa thuận thống nhất với anh Đ. Chị đề nghị anh Đ tạo điều kiện cho vợ chồng chị xin được thanh toán làm nhiều đợt cho đến khi kết thúc.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật cho đồng bị đơn chị Ngô Thị N và anh Đặng Văn T thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và thông báo kết quả mở phiên họp. Như vậy, vợ chồng chị N và anh T đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị N và anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được, chị N và anh T cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Kim Động mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án. Tại phiên toà chỉ có mặt nguyên đơn là anh Đ còn đồng bị đơn chị N và anh T cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử phải ra quyết định hoãn phiên toà và tiếp tục mở phiên toà xét xử vào ngày 13/7/2021.

Ngày 12/7/2021 anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc bận, còn chị N và anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh T và anh Đ theo quy định của pháp luật.

**** Tại phiên Tòa hôm nay:***

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của Nguyên đơn là anh Trần Hồng Đ; Lời khai của đồng bị đơn là chị Ngô Thị N và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán thụ lý vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng bị đơn không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đề xuất của Kiểm sát viên:

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đề nghị tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hồng Đ buộc đồng bị đơn chị Ngô Thị N và anh Đặng Văn T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Trần Hồng Đ số tiền gốc là: 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng chẵn)* và số tiền lãi trên số tiền gốc theo lãi suất ngắn hạn tại hai thời điểm từ ngày 23/12/2020 đến ngày 23/3/2021 là 8,5% - 11% và từ ngày 24/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án là 8% - 11%.

- Về án phí: Đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Hồng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kim Động giải quyết buộc vợ chồng chị Ngô Thị N và anh Đặng Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng và số tiền lãi như các bên đã thỏa thuận. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự. Đồng bị đơn chị Ngô Thị N và anh Đặng Văn T có nơi cư trú tại thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Do đó Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ vay nợ giữa Nguyên đơn và đồng bị đơn đều thống nhất thừa nhận do có quan hệ bạn bè quen biết với nhau nên vào ngày 23/12/2020 vợ chồng chị N và anh T có đặt vấn đề vay tiền của anh Đ với số tiền là: 100.000.000 đồng, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận bằng miệng theo lãi suất của Ngân hàng. Thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 23/12/2020 đến ngày 23/02/2021. Tuy nhiên đến ngày thanh toán nợ cả

gốc và lãi theo nội dung giấy vay nợ mà vợ chồng chị N và anh T đã hứa nhưng vợ chồng chị N, anh T không thanh toán được cho anh Đ được bất kỳ khoản nợ gốc hay khoản nợ lãi nào. Đến nay anh Đ và chị N đều thống nhất thừa nhận vợ chồng chị N và anh T còn nợ anh Đ số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi như các bên đã thỏa thuận theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định qua từng thời kỳ, kể từ ngày 23/12/2020 cho đến nay. Nay anh Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị N và anh T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh toàn bộ số tiền gốc là: 100.000.000 đồng và số tiền lãi theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hưng Yên qua từng thời kỳ, kể từ ngày 23/12/2020 cho đến nay và anh tự nguyện không yêu cầu tính theo lãi suất quá hạn. Chị N nhất trí với nội dung khởi kiện của anh Đ, vợ chồng chị sẽ có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Đ toàn bộ số nợ gốc và số tiền lãi theo như nội dung yêu cầu của anh Đ. Tuy nhiên chị N đề nghị do điều kiện làm ăn kinh tế của vợ, chồng chị hiện đang gặp rất nhiều khó khăn, chị đề nghị anh Đ tạo điều kiện cho vợ chồng chị xin được thanh toán làm nhiều đợt toàn bộ số tiền gốc cũng như lãi cho đến khi kết thúc nhưng chị không đưa ra được phương án cũng như mốc thời gian thanh toán cụ thể. Anh Đ không chấp nhận mà có quan điểm yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động buộc vợ chồng chị N và anh T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh toàn bộ số tiền gốc mà anh đã cho anh, chị vay là: 100.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng kể từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án.

Như vậy qua phân tích trên nhận thấy việc vay nợ giữa anh Đ với vợ chồng chị N và anh T là có thực. Quá trình vay nợ vợ chồng chị N và anh T không thanh toán được cho anh Đ được bất kỳ khoản nợ gốc và khoản lãi nào. Nay anh Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị N và anh T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh toàn bộ số nợ gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi kể từ ngày 23/12/2020 cho đến nay theo lãi suất của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận, đồng thời anh không chấp nhận đề nghị của chị N xin được thanh toán làm nhiều đợt toàn bộ số tiền gốc và lãi cho đến khi hết nợ. Do vậy cần buộc vợ chồng chị N và anh T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho anh Đ toàn bộ số nợ gốc là: 100.000.000 đồng và số tiền lãi trên nợ gốc cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp.

[3] Xem xét việc tính lãi suất trên số tiền gốc: Xét tại giấy vay nợ, các đương sự không thỏa thuận trả lãi, tuy nhiên tại lời khai của chị N thừa nhận vợ chồng chị có vay anh Đ số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất cho vay hai bên thỏa thuận theo lãi suất của Ngân hàng phù hợp với lời khai của anh Đ. Như vậy, xét các bên có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ nên xác định hợp đồng vay có kỳ hạn. Các bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng theo lãi xuất của Ngân hàng trên số nợ gốc là 100.000.000 đồng, số tiền lãi phải trả là tính từ ngày 23/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án là ngày 13/7/2021. Căn cứ theo biểu lãi suất mà Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên cung cấp cho Tòa án theo công văn số 895/NHNoHY-KTKS "*Về việc cung cấp biểu lãi suất tiền vay*" ngày 10 tháng 6 năm 2021 và thời hạn tính lãi suất trên số tiền gốc kể từ ngày 23/12/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, hội đồng xét xử sẽ lấy mức lãi suất ngắn hạn của Ngân hàng đã cung cấp để tính như sau: Từ ngày 23/12/2020 đến ngày 23/3/2021 tổng cộng là 100.000.000 đồng x 9,75% : 365 ngày x 91 ngày = 2.430.821 đồng và từ ngày 24/3/2021 đến ngày 13/7/2021 tổng cộng là

100.000.000 đồng x 9,5% : 365 ngày x 112 ngày = 2.915.068 đồng. Tổng cộng là 5.345.889 đồng.

Từ những phân tích nêu trên hội đồng xét xử nhận thấy việc anh Đ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị N và anh T phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh số tiền lãi trên số tiền gốc là: 5.345.889 đồng *(Năm triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi chín đồng)* tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm 13/7/2021. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hồng Đ buộc vợ chồng chị Ngô Thị N và anh Đặng Văn T có nghĩa vụ thanh toán trả cho anh Đ số nợ gốc là: 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và tổng số tiền lãi là: 5.345.889 đồng *(Năm triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi chín đồng)*. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 105.345.889 đồng *(Một trăm linh năm triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).*

[4] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại: Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 164, 351, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hồng Đ buộc đồng bị đơn chị Ngô Thị N và anh Đặng Văn T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Trần Hồng Đ số tiền gốc là: 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng chẵn)* và số tiền lãi trên số tiền gốc tính đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án 13/7/2021 là: 5.345.889 đồng *(Năm triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi chín đồng)*. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 105.345.889 đồng *(Một trăm linh năm triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi chín đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định về mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2- Về án phí: Chị Ngô Thị N và anh Đặng Văn T phải nộp 5.267.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh Trần Hồng Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 2.575.000 đồng theo biên lai thu số: 0001973 ngày 11/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động.

3- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và đồng bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

4- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊNTOÀ

Nguyễn Tiến Lũng